

LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 40

LUẬN VỀ VÔ NGHĨA (Phần 2)

Hỏi: Thế nào gọi là trú trong niệm đối diện?

Đáp: Hành giả tu quán buộc niệm ở giữa chặng mày, hoặc quán bầm xanh, hoặc quán sinh trưởng, hoặc quán máu mủ thối rữa, hoặc quán nát rã hư hoại, hoặc quán màu đỏ kỳ dị, hoặc quán bị thú ăn thịt, hoặc quán phân chia rời xa, hoặc quán xương trắng, hoặc quán bộ xương. Quán những tướng trạng này gọi là trú trong niệm đối diện.

Hỏi: Vì sao buộc niệm ở giữa chặng mày?

Đáp: Hành giả tu quán trước hết dựa vào nơi này phát sinh niềm vui của Hiền Thánh, sau đó dần dần lan khắp thân thể, cho nên hành giả buộc niệm ở giữa chặng mày. Như cảm thọ dục lạc thì nơi nam căn-nữ căn phát sinh dục lạc trước tiên, sau đó dần dần lan khắp thân thể, Tu pháp quán này cũng như vậy.

Cũng có bản nói: Buộc niệm vào chỗ sáng-tối, chỗ sáng nghĩa là mắt, tức là nói buộc niệm ở giữa chót mũi. Lại có bản nói: Buộc niệm ở bờ tóc. Hoặc có bản nói: Buộc niệm ở chót mũi. Có bản nói: Trú trong niệm không có tham đi kèm; đây tức là nói: Trú trong niệm đi cùng Xa-ma-tha. Hoặc có người nói: Trú trong niệm đi cùng với mình; đây chính là nói: Trú trong niệm đi cùng Tỳ-bát-xá-na. Hành giả tu quán buộc niệm ở chặng mày như vậy..., quán sát những tướng bầm xanh... của tử thi, tức là quán Bất tịnh, trong luận này gọi là trú trong niệm đối diện.

Hỏi: Vì sao trong này chỉ nói về quán Bất tịnh gọi là niệm đối diện, chứ không phải là Trì tức niệm và quán Giới sai biệt?

Đáp: Trong này cũng cần phải nói đến Trì tức niệm và quán Giới sai biệt gọi là niệm đối diện, nhưng mà không nói đến tức là có cách nói khác. Lại nữa, nên biết trong này tạm thời nói đến quán thứ nhất, nghĩa

là quán Bất tịnh chính là đầu tiên trong những pháp quán, nên biết rằng

nói về pháp quán thứ nhất tức là hiển bày pháp quán thứ hai và thứ ba. Lại nữa, nên biết trong này dựa vào phần nhiều mà nói, nghĩa là người tu quán phần nhiều dựa vào môn quán Bất tịnh để tiến vào Thánh đạo, chứ không phải là Trì tức niệm và quán Giới sai biệt, cho nên chỉ nói đến quán Bất tịnh. Tôn giả Diêu Âm đưa ra cách nói như vậy: “Tất cả niệm do tác ý như lý đã dẫn dắt đều gọi là niệm đối diện, chứ không phải là chỉ riêng quán Bất tịnh.” Nhưng mà Tôn giả Ca-đa-diễn-ni-tử tùy thuận trong kinh, lại nói quán Bất tịnh gọi là niệm đối diện, nghĩa là trong kinh nói: “Có những Tỳ kheo ở chốn A-luyện-nhã, hoặc ở dưới tán cây, hoặc ở trong tịnh thất, ngồi kiết già, thân đoạn nghiêm, chánh nguyện trú trong niệm đối diện, vì đoạn trừ tham dục-lìa xa tham dục cho nên tâm được an trú nhiều.” Như vì đoạn trừ tham dục, như vậy vì đoạn trừ sân hận-hôn trầm-thụy niên-tùy miên-ác tác và nghi, nên biết cũng như vậy. Tham dục nặng nhất ở trong năm Cái, lại ở đầu tiên cho nên chỉ nói đến tham dục. Pháp đối trị gần với tham dục, đó là quán Bất tịnh, nếu đoạn trừ tham dục thì những Cái khác cũng đoạn trừ theo, cho nên không nói riêng biệt. Pháp đối trị gần với tham dục gọi là niệm đối diện.

Hỏi: Hành giả tu quán buộc niệm ở giữa chạng mày, lúc bấy giờ nên nói là trú ở phần vị nào?

Đáp: Vượt lên trên phần vị tác ý. Nhưng mà Sư Du-già tu quán Bất tịnh, tổng quát có ba phần vị:

1. Phần vị bắt đầu tu tập.
2. Phần vị tu tập đã thành thực.
3. Phần vị vượt lên trên tác ý.

Người tu pháp quán này lại có ba loại:

1. Thích giản lược.
2. Thích mở rộng.
3. Thích mở rộng và giản lược.

Trong này, người chỉ thích giản lược, nghĩa là hành giả tu pháp quán ấy, trước hết đến nơi bãi tha ma quán sát những tướng bầm xanh... của tử thi, khéo chọn lấy tướng rồi lui về ngồi ở nên chỗ quán lại tướng ấy. Nếu tâm tán loạn không rõ ràng, thì lại đến nơi bãi tha ma, như trước quán sát để khéo chọn lấy tướng ấy. Như vậy cho đến nếu có thể rõ ràng, tâm không tán loạn thì nhanh chóng trở lại trú xứ, rửa chân rồi đến chỗ ngồi mà ngồi kiết già, điều hòa thân tâm khiến cho lìa xa các Cái, suy nghĩ nhớ và quán sát về tướng đã chọn lấy trước đây, dùng lực thắng giải làm thay đổi thuộc về thân của mình. Bắt đầu từ bầm xanh

cho đến bộ xương rời rạc, ở trong bộ xương rời rạc, trước hết quán về xương chân, tiếp theo quán về xương mắt cá, tiếp theo quán về xương ống chân, tiếp theo quán về xương đầu gối, tiếp theo quán về xương đùi, tiếp theo quán về xương hông, tiếp theo quán về xương lưng, tiếp theo quán về xương sống, tiếp theo quán về xương sườn, tiếp theo quán về xương vai, tiếp theo quán về xương cánh tay, tiếp theo quán về xương khuỷu tay, tiếp theo quán về xương cổ tay, tiếp theo quán về xương bàn tay, tiếp theo quán về xương bả vai, tiếp theo quán về xương cổ, tiếp theo quán về xương hàm, tiếp theo quán về xương răng, cuối cùng quán về xương đầu lâu. Lực thắng giải ấy quán sát về tướng bất tịnh như vậy rồi, buộc niệm ở giữa chặng mày, sâu như vậy mà an trú. Lại chuyển niệm này đưa vào thân niệm trú, lần lượt chuyển tiếp cho đến tiến vào pháp niệm chú. Đó là hành giả tu quán thích giản lược đã thành tựu về quán Bất tịnh.

Người chỉ thích mở rộng, nghĩa là hành giả tu pháp quán ấy, trước hết đến nơi bãi tha ma quán sát những tướng bầm sanh... của tử thi, như trước nói rộng..., lần lượt chuyển tiếp cho đến buộc niệm ở giữa chặng mày để dừng lại rồi; tiếp tục chuyển niệm này, trước hết quán về đầu lâu, tiếp theo quán về xương răng, lần lượt chuyển tiếp cho đến cuối cùng quán về xương chân. Lực thắng giải ấy quán về xương của mình rồi, lại quán về xương nơi khác ở bên cạnh xương của mình, dần dần đầy khắp nên giường-nên phòng-nên chùa-nên khu vườn-nên thôn ấp-nên thửa ruộng-nên thung lũng-nên đất nước, lần lượt chuyển tiếp cho đến bến bờ biển rộng, trùm khắp mặt đất, tâm mắt và nơi chốn chứa đầy xương trắng rời rạc. Lại dần dần lược bỏ, cho đến chỉ quán về bộ xương rời rạc của chính mình, từ trong đó dần dần tiếp tục lược bỏ xương chân, lần lượt chuyển tiếp cho đến cuối cùng quán về đầu lâu. Lực thắng giải ấy quán sát về tướng bất tịnh như vậy rồi, buộc niệm ở giữa chặng mày, có thể như vậy mà an trú, tiếp tục chuyển niệm này đưa vào thân niệm trú, lần lượt chuyển tiếp cho đến đưa vào pháp niệm trú. Đó gọi là hành giả tu quán thích mở rộng đã thành tựu về quán Bất tịnh.

Người thích mở rộng và giản lược, nghĩa là hành giả tu pháp quán ấy, trước hết đi đến bãi tha ma quán sát những tướng bầm xanh... của tử thi, như trước nói rộng ra, lần lượt chuyển tiếp cho đến bến bờ biển rộng, trùm khắp mặt đất, tâm-mắt và nơi chốn chứa đầy xương trắng rời rạc. Lại dần dần lược bỏ, lần lượt chuyển tiếp cho đến cuối cùng quán về đầu lâu, buộc niệm ở giữa chặng mày dừng lại nên chút rồi, nhiều lần tiếp tục mở rộng và giản lược, quán sát như trước đến lúc thuần phục

rồi, buộc niệm ở giữa chặng mây, sâu như vậy mà an trú. Lại chuyển niệm này đưa vào thân niệm trú, lần lượt chuyển tiếp cho đến đưa vào pháp niệm trú. Đó gọi là hành giả tu quán thích mở rộng và giản lược đã thành tựu về quán Bất tịnh.

Hỏi: Vì sao lúc tu pháp quán Bất tịnh này, liên tục mở rộng và giản lược duyên với cảnh bất tịnh?

Đáp: Bởi vì muốn hiển bày tâm quán được tự tại, nghĩa là người có được tự tại đối với cảnh giới, mới có năng lực liên tục mở rộng và giản lược mà quán, nếu không tự tại thì không có năng lực này. Lại nữa, Sư Du-già ấy dấy lên ý niệm như vậy: Mình từ vô thủy sinh tử đến nay bởi vì phiền não loạn tâm mà bất tịnh nói là thanh tịnh, nay quán sát đúng như thật đối với bất tịnh, muốn khiến cho thuần thực thì phải nhiều lần quán mở rộng và giản lược. Lại nữa, bởi vì muốn hiển bày thế lực to lớn của căn thiện, nghĩa nói rằng mình chọn lấy nên ít tướng bất tịnh thì có thể dần dần mở rộng đầy khắp mặt đất, lại dần dần lược bỏ chỉ quán phần ít, không phải là thế lực to lớn đối với cảnh hay sao? Lại nữa, Sư Du-già ấy tự hiển bày năng lực to lớn, cho nên nhiều lần quán sát mở rộng và giản lược đối với cảnh, đó là từ vô thủy đến nay bị sức mạnh của dục tham nắm giữ, đối với cảnh bất tịnh không thể nào tự tại để quán sát mở rộng hay giản lược, nay chế phục dục tham mà được tự tại, cho nên có thể nhiều lần quán sát mở rộng và giản lược đối với cảnh bất tịnh. Vì vậy, trong này nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc quán Bất tịnh mà sở duyên ít chứ không phải là tự tại ít, đó là hành giả chỉ đối với chính mình mà nhiều lần quán Bất tịnh.

2. Có lúc quán Bất tịnh mà tự tại ít chứ không phải là sở duyên ít, đó là hành giả tạm thời khởi lên ý tưởng bất tịnh đối với khắp nơi mặt đất, nhưng không có năng lực quán sát nhiều lần.

3. Có lúc quán Bất tịnh mà sở duyên ít và tự tại cũng ít, đó là hành giả tạm thời khởi lên ý tưởng bất tịnh đối với chính mình, nhưng không có năng lực quán sát nhiều lần.

4. Có lúc quán Bất tịnh chẳng phải là sở duyên ít cũng chẳng phải là tự tại ít, đó là hành giả có năng lực quán sát nhiều lần về bất tịnh đối với khắp nơi mặt đất.

Lại có bốn câu phân biệt :

1. Có lúc quán Bất tịnh mà sở duyên vô lượng chứ không phải là tự tại vô lượng, đó chính là câu thứ hai trước đây.

2. Có lúc quán Bất tịnh mà tự tại vô lượng chứ không phải là sở duyên vô lượng, đó chính là câu thứ nhất trước đây.

3. Có lúc quán Bất tịnh mà sở duyên vô lượng cũng là tự tại vô lượng, đó chính là câu thứ tư trước đây.

4. Có lúc quán Bất tịnh mà không phải là sở duyên vô lượng cũng không phải là tự tại vô lượng, đó chính là câu thứ ba trước đây.

Hỏi: Lúc tu ba loại quán Bất tịnh này, ngang đâu thì gọi là phần vị bắt đầu tu tập, ngang đâu thì gọi là phần vị tu tập đã thành thực, ngang đâu thì gọi là phần vị vượt lên trên tác ý?

Đáp: Chỉ có loại thích giản lược, bắt đầu đi đến bãi tha ma quán sát những tướng bầm xanh... của tử thi, nói rộng cho đến dùng lực thắng giải làm thay đổi thuộc về thân của mình; bắt đầu từ tướng bầm xanh cho đến tướng xương trắng rời rạc, tất cả đều gọi là phần vị bắt đầu tu tập. Từ nơi xương trắng rời rạc, trước hết quán về xương chân, nói rộng cho đến cuối cùng quán về đầu lâu; lại từ trong này loại trừ phần nửa-quán sát phần nữa; tiếp tục loại trừ nên phần, chỉ quán sát nên phần, tất cả đều gọi là phần vị tu tập đã thành thực. Dùng lực thắng giải quán sát về tướng bất định như vậy rồi, buộc niệm ở giữa chặng mây, sâu như vậy mà an trú, cho đến nói rộng ra, tất cả đều gọi là phần vị vượt lên trên tác ý.

Người thích mở rộng và giản lược, bắt đầu đi đến bãi tha ma quán sát những tướng bầm xanh... của tử thi, nói rộng cho đến nhiều lần tiếp tục mở rộng và giản lược, quán sát như trước, trong đó cuối cùng lại dần dần lược bỏ, cho đến chỉ quán về bộ xương rời rạc của chính mình, tất cả đều gọi là phần vị bắt đầu tu tập. Từ trong đó tiếp tục lược bỏ xương chân, lần lược chuyển tiếp cho đến cuối cùng quán về đầu lâu; lại từ trong này loại bỏ phần nửa-quán sát phần nữa; tiếp tục loại bỏ nên phần, chỉ quán sát nên phần, tất cả đều gọi là phần vị tu tập đã thành thực. Đến lúc thuần thực rồi, buộc niệm ở giữa chặng mây, sâu như vậy mà an trú, cho đến nói rộng ra, tất cả đều gọi là phần vị vượt lên trên tác ý.

Có người đưa ra cách nói này: Người chỉ thích giản lược, bắt đầu đi đến bãi tha ma quán sát những tướng bầm xanh... của tử thi, nói rộng cho đến dùng lực thắng giải làm thay đổi thuộc về thân của mình; bắt đầu từ tướng bầm xanh cho đến bộ xương rời rạc, như vậy đều gọi là phần vị bắt đầu tu tập đã thành thực. Dùng lực thắng giải quán sát về tướng bất tịnh như vậy rồi, buộc niệm ở giữa chặng mây, sâu như vậy mà an trú, cho đến nói rộng ra, như vậy đều gọi là phần vị vượt lên trên tác ý. Người chỉ thích mở rộng, bắt đầu đi đến bãi tha ma quán sát những tướng bầm xanh... của tử thi, nói rộng cho đến buộc niệm ở giữa

chặng mà y, dừng lại nên thời gian ngắn, như vậy đều gọi là phần vị bắt đầu tu tập. Dừng lại nên lúc rồi, tiếp tục chuyển niệm mà y trước hết quán về đầu lâu, nói rộng cho đến cuối cùng quán về đầu lâu, như vậy đều gọi là phần vị tu tập đã thành thực. Dùng lực thắng giải quán sát về tướng bất tịnh như vậy rồi, buộc niệm ở giữa chặng mà y, sâu như vậy mà an trú, cho đến nói rộng ra, như vậy đều gọi là phần vị vượt lên trên tác ý người thích mở rộng và giản lược, bắt đầu đi đến bãi tha ma quán sát những tướng bầm xanh... của tử thi, nói rộng cho đến buộc niệm ở giữa chặng mà y, dừng lại nên thời gian ngắn, như vậy đều gọi là phần vị bắt đầu tu tập. Dừng lại nên lúc rồi, nhiều lần tiếp tục mở rộng và giản lược, quán sát như trước, cho đến thuần thực, như vậy đều gọi là phần vị tu tập đã thành thực. Đến lúc tu tập thành thực rồi, buộc niệm ở giữa chặng mà y, có thể như vậy mà an trú, cho đến nói rộng ra, như vậy đều gọi là phần vị vượt lên trên tác ý.

Có Sư khác nói: Trước nói đến ba loại tu pháp quán mà y bắt đầu đi đến bãi tha ma, nói rộng cho đến buộc niệm ở giữa chặng mà y, sâu như vậy mà an trú, đều bao gồm phần vị bắt đầu tu tập và phần vị tu tập đã thành thực. Có sai biệt là phần vị bắt đầu tu tập, ở trong thời gian tu tập pháp quán thì tâm có tán loạn; phần vị tu tập đã thành thực, ở trong thời gian tu tập pháp quán thì tâm không còn tán loạn. Nếu chuyển niệm mà y lại quán về đầu lâu, hoặc bên trái-hoặc bên phải, hoặc sau-hoặc trước, khởi lên ý tưởng bất tịnh đưa vào thân niệm chú, lần lượt chuyển tiếp cho đến đưa vào pháp niệm trú, đến ngang chỗ này gọi là phần vị vượt lên trên tác ý.

Lại có người nói: Ba loại như thích giản lược..., bắt đầu đi đến bãi tha ma, nói rộng cho đến buộc niệm ở giữa chặng mà y, sâu như vậy mà an trú, đều bao gồm ba phần vị. Có sai biệt là phần vị bắt đầu tu tập thì tâm có tán loạn cũng không rõ ràng, phần vị tu tập đã thành thực tuy không tán loạn mà chưa rõ ràng, phần vị vượt lên trên tác ý thì tâm không tán loạn mà cũng được rõ ràng. Lại nữa, phần vị bắt đầu tu tập là phẩm Hạ, cho nên thực hành tu quán chậm chạp và có nhiều trở ngại ; phần vị tu tập đã thành thực là phẩm Trung, cho nên thực hành tu quán có phần nhanh nhạy nhưng vẫn còn có trở ngại ; phần vị vượt lên trên tác ý là phẩm Thượng, cho nên thực hành tu quán nhanh chóng hoàn toàn không có gì trở ngại. Đây gọi là sai biệt giữa ba phần vị.

Hỏi : Quán bất tịnh lấy gì làm tự tánh ? Đáp : Lấy căn thiện không có tham làm tự tánh. Người tu Định thì nói : Lấy tuệ làm tự tánh. Nguyên cớ thế nào ? Bởi vì lấy kinh để suy xét, như trong kinh nói : “Mắt thấy

sắc rồi thuận theo quán về bất tịnh, tư duy đúng như lý...” Cho nên quán là Tuệ. Có Sư khác nói : Lấy sự chán ngán làm tự tánh. Nguyên cơ thể nào ? Bởi vì chán ngán sở duyên. Lời bình : Quán bất tịnh này lấy căn thiện vô tham làm tự tánh, chứ không phải là tuệ-không phải là chán ngán. Nguyên cơ thể nào ? Bởi vì đối trị với tham.

Hỏi : Trong kinh nói trước đây nên thông hiểu thế nào ? Đáp : Bởi vì tương ứng với tuệ cho nên nói là quán, mà thể này là căn thiện của tham là pháp đối trị gần duyên với sắc tham. Nếu cùng với bốn uẩn-năm uẩn quyến thuộc làm tự tánh của nó, thì quán Bất tịnh này về Giới là chỉ có cõi Dục-cõi Sắc, bởi vì cõi sắc không có quán Bất tịnh duyên với sắc pháp ; về địa thì ở mười địa, đó là thuộc về cõi Dục-Tĩnh lự trung gian và bốn Tĩnh lự-bốn cận phần ; về Sở y thì chỉ dựa vào thân của cõi Dục, bởi vì thân của cõi Sắc-Vô sắc không khởi lên pháp quán này ; về Hành tướng thì không phải là mười sáu hành tướng ; về Sở duyên thì chỉ duyên với Sắc xứ của cõi Dục làm cảnh.

Hỏi: Pháp quán Bất tịnh này là duyên với tất cả Sắc xứ của cõi Dục, hay là duyên với nên phần ít?

Đáp: Pháp quán này duyên với tất cả Sắc xứ của cõi Dục.

Hỏi: Nếu như vậy thì trong kinh nói phải thông hiểu thế nào? Như trong kinh nói: “Tôn giả Vô Diệt đang ngồi yên lặng dưới tán cây trong nên khu rừng, đến giữa đêm khuya có bốn thiên nữ đều mang tên là Duyệt Ý, đoan nghiêm xinh đẹp vô cùng, đi đến trước chỗ ngồi của Tôn giả Vô Diệt, chấp tay cung kính đảnh lễ dưới hai chân, rồi lùi lại đứng về nên phía, thưa với Tôn giả rằng: Bốn Thiên nữ chúng con, có thể biến hóa tự tại đối với bốn xứ:

1. Tùy ý muốn hóa hiện các loại sắc thân tuyệt diệu nhất với những tướng yêu thích, chúng con đều có thể hầu hạ làm cho vui sướng.

2. Tùy ý muốn hóa hiện các loại y phục tuyệt vời nhất.

3. Tùy ý muốn hóa hiện các loại vật dụng trang nghiêm tuyệt vời

4. Tùy ý muốn hóa hiện các loại hương hoa-đồ ăn thức uống-châu báu tuyệt vời nhất cùng với tất cả những dục lạc vốn có. Tôn giả có thể tự mình cùng tiếp nhận hay không? Lúc ấy Tôn giả Vô Diệt dấy lên tư duy như vậy: Bốn thiên nữ này cố tình đến gặp để quấy nhiễu làm phiền nhau, mình nên khởi lên quán Bất tịnh đối với họ. Đã tư duy rồi tiến vào Tĩnh lự thứ nhất, nhưng không thể nào khởi lên quán Bất tịnh; lần lượt chuyển tiếp liền tiế vào Tĩnh lự thứ tư, cũng không thể nào khởi lên được, liền dấy lên nghĩ rằng: Bốn thiên nữ này có các loại sắc, cho nên mình không thể nào quán thành bất tịnh được, nếu họ hoàn toàn là

nên loại sắc thì mình nhất định có thể quán được. Liên bảo với họ rằng: Các cô có thể tự mình đều vì tôi mà hiện ra thân màu xanh hay không? Lúc ấy các Thiên nữ hiện ra thân màu xanh, nhưng Tôn giả không thể nào quán thành bất tịnh được, khiến họ hiện ra màu vàng-đỏ nhưng vẫn như cũ không thể nào quán được. Lại khởi lên ý niệm rằng: Nếu hóa thành màu trắng thì thuận với tướng về hài cốt, nếu họ lại có thể hiện rõ làm màu trắng, thì mình chắc chắn có thể quán bất tịnh đối với họ. Lập tức bảo với họ rằng: Các cô lại vì tôi mà biến thân làm màu trắng! Các Thiên nữ vì Tôn giả mà biến thành màu trắng, Tôn giả lại cũng không thể nào quán thành bất tịnh được.”

Đáp: Bởi vì hình sắc của các Thiên nữ tươi sáng như ánh sáng tuyệt diệu, khó mà khởi lên chán ngán vì bất tịnh.

Vì sao Tôn giả Vô Diệt khiến các Thiên nữ chuyển thành bốn màu sắc xanh-vàng-đỏ-trắng?

Đáp: Bởi vì muốn quán về tướng biến hoại của các màu sắc. Lại nữa, bởi vì sắc tướng di chuyển dễ dàng khởi lên chán ngán. Lại nữa, bởi vì màu xanh tùy thuận với tướng và bầm xanh, màu vàng tùy thuận với tướng về máu mủ rửa nát, màu đỏ tùy thuận với tướng về màu đỏ kỳ dị, màu trắng tùy thuận với tướng về hài cốt. Lại nữa, xanh-vàng-đỏ-trắng là gốc của mọi màu sắc, cũng không có tranh luận cho nên khiến chuyển biến, trải qua thử nghiệm tự tâm có thể khởi lên chán ngán hay không? Tôn giả Vô Diệt biết sắc chất tuyệt diệu của họ, không thể nào quán sát để khởi lên tướng về bất tịnh, liền vội nhắm mắt im lặng mà ngồi. Các Thiên nữ biết Tôn giả hoàn toàn không có tâm ô nhiễm, hổ thẹn mà lay dưới chân rồi bỗng nhiên biến mất. Như hai lực sĩ lúc xoắn tay vào nhau, biết sức lực đã như nhau thì buông tay mà rút lui, Thiên nữ và Vô Diệt nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Đã như vậy thì tại sao nói là quán Bất tịnh có thể duyên với tất cả sắc của cõi Dục?

Đáp: Vô Diệt không thể nào khởi lên tướng bất tịnh đối với tất cả Sắc xứ khắp nơi cõi Dục, nhưng người khác thì có năng lực, cho nên không trái ngược nhau. Như Phật-Độc giác và thanh văn lợi căn như xá-lợi-cử... đều có năng lực quán sát bất tịnh.

Hỏi: Có ai duyên với sắc thân của Phật mà khởi lên quán bất tịnh hay không?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Không có ai có năng lực, bởi vì sắc thân của Phật vi diệu, vô cùng tươi sáng như ánh sáng thanh tịnh, cho nên không thể nào chán ngán. Có Sư khác nói: Phật có năng lực

tự duyên với mình khởi lên quán bất tịnh, người khác không ai có năng lực như vậy.

Hoặc có người nói: Quán bất tịnh có hai loại:

1. Duyên khởi do sắc.

2. Sai lầm do sắc, là có năng lực duyên với thân Phật. Sai lầm do sắc, là không có năng lực duyên với Phật.

Lại có người nói : Quán bất tịnh có hai loại:

1. Cảnh của cộng tướng.

2. Cảnh của tự tướng.

Cảnh của cộng tướng là có năng lực duyên với thân Phật. Cảnh của tự tướng là không có năng lực duyên với Phật.

Quán bất tịnh này, về Niệm trú thì đều là thân niệm trú. Có người nói: Pháp quán này không phải Niệm trú căn bản, nhưng có thể là gia hạnh của thân niệm trú. Về trí thì cùng có thể tục trí. Về Tam-ma-địa thì không phải là cùng có Tam-ma-địa. Về căn tướng ứng thì nói chung chỉ tương ứng với ba căn, đó là Lạc-Hỷ và xả căn. Về quá khứ-vị lai-hiện tại thì gồm cả ba đời, quá khứ duyên với quá khứ, hiện tại duyên với hiện tại, pháp sinh ở vị lai duyên với vị lai, nếu pháp không sinh thì duyên với ba đời. Về thiện-bất thiện và vô ký, thì thiện duyên với cả ba loại. Về hệ thuộc và không hệ thuộc, thì hệ thuộc cõi Dục-Sắc duyên với hệ thuộc cõi Dục. Về học-vô học và phi học phi vô học, thì phi học phi vô học duyên với phi học vi vô học. Về do kiến mà đoạn-do tu mà đoạn và không đoạn, thì do tu mà đoạn duyên với do tu mà đoạn. Về duyên với danh-duyên với nghĩa, thì chỉ duyên với nghĩa. Về duyên với tự tướng tục-tha tướng tục và phi tướng tục, thì duyên với tự tướng tục và tha tướng tục. Về gia hạnh đắc - ly nhiễm đắc và sinh đắc, thì có gia hạnh đắc và có ly nhiễm đắc, chứ không phải là sinh đắc. Ly nhiễm đắc, nghĩa là lúc lìa nhiễm mà tu đạt được. Gia hạnh đắc, nghĩa là thực hiện gia hạnh hiện ở trước mắt. Phật không có gia hạnh, Độc giác gia hạnh bậc Hạ, thanh văn hoặc là gia hạnh bậc trung, hoặc là gia hạnh bậc thượng, dị sinh gia hạnh bậc thượng hiện ở trước mắt. Về từng đạt được và chưa từng đạt được, thì gồm cả từng đạt được và chưa từng đạt được. Thánh giả và dị sinh thân sau cuối của Bồ-tát gồm cả từng đạt được và chưa từng đạt được, dị sinh khác chỉ là từng đạt được. Về văn-tư-tu mà thành, thì gồm cả ba loại. Về ý địa và năm thức thân, thì chỉ thuộc về ý địa.

Hỏi: Nếu như vậy thì trong kinh nói phải thông hiểu thế nào? Như trong kinh nói: “Mắt thấy sắc rồi thuận theo quán bất tịnh, tư duy đúng

như lý, cho đến nói rộng ra.”

Đáp: Năm thức là cửa ngõ dẫn dắt phát sinh ý thức khởi lên quán bất tịnh, cho nên nói như vậy. Nhưng mà quán bất tịnh chỉ thuộc về ý thức, như hành gần với ý chỉ thuộc về ý địa, bởi vì cũng do năm thức mà dẫn dắt phát ra. Trong kinh cũng nói: “Mắt thấy sắc rồi, nói rộng cho đến ý biết pháp rồi, khởi lên sáu hành gần với ý là hỷ-ưu-xả.” Ở đây cũng như vậy.

Hỏi: Pháp quán Bất tịnh này cũng duyên với thanh-hương-vị-xúc-pháp hay không?

Đáp: Pháp quán này chỉ duyên với sắc chứ không duyên với năm loại còn lại.

Hỏi: Nếu như vậy thì trong kinh nói phải thông hiểu thế nào? Như trong kinh nói: “Mắt thấy sắc rồi, nói rộng cho đến ý biết pháp rồi, thuận theo quán bất tịnh, tư duy đúng như lý”.

Đáp: Do cửa ngõ của sáu thức dẫn dắt quán bất tịnh, cho nên nói như vậy, nhưng mà quán bất tịnh duyên với sắc chứ không phải là loại nào khác. Lại nữa, dựa vào pháp đối trị chung, cho nên nói như vậy, nghĩa là quán bất tịnh tuy chỉ duyên với sắc, mà có thể đối trị duyên với tham của sáu cảnh, như người bị tham sắc làm cho che kín, thì tu quán bất tịnh mà loại bỏ tham sắc; bị tham thanh-hương... làm cho che kín, thì tu pháp quán này mà loại bỏ lòng tham ấy, cho nên nói như vậy. Lại nữa, trước hết khởi lên quán bất tịnh đối với Sắc xứ, chán ngán lo sợ các sắc; sau đó dựa vào năm cảnh như sắc-thanh... cũng có thể chán ngán lo sợ, chán ngán lo sợ sắc-thanh... tuy là pháp quán khác chứ không phải là quán bất tịnh, nhưng mà do quán bất tịnh đã dẫn dắt sinh ra, cho nên gọi là quán bất tịnh. Lại nữa, trước hết duyên với Sắc xứ tu quán bất tịnh đã được thuần thục, sau đó đối với cảnh khác cũng cần phải chán ngán lo sợ, nếu có thể thì tốt, nếu không có thể thì trở lại duyên với Sắc xứ khởi lên quán bất tịnh. Như lúc sắp đánh nhau, trước hết phải bố trí đồn lũy doanh trại vững vàng, rồi sau đó mới xuất trận giao tranh, nếu thắng trận thì tốt, nếu không thắng trận thì trở về dựa vào đồn lũy doanh trại. Ở đây cũng như vậy, cho nên đưa ra cách nói này, nhưng mà quán bất tịnh chỉ duyên với sắc chứ không phải là loại nào khác. Lại nữa, trước hết khởi lên quán bất tịnh đối với Sắc xứ, sau đó đối với thanh-hương... khởi lên quán chán ngán khác, hành tướng chán ngán của quán này và quán kia như nhau, cho nên cũng nói quán kia là quán bất tịnh. Lại nữa, quán bất tịnh có hai loại:

1. Căn bản.

2. Đăng lưu.

Nếu là căn bản thì chỉ duyên với Sắc xứ, nếu là đăng lưu thì duyên với tất cả thanh-hương..., cho đến tâm tâm sở pháp hữu lậu. A-tỳ-đạt-ma chỉ nói về quán bất tịnh căn bản cho nên nói là duyên với Sắc xứ, còn trong kinh nói gồm cả quán bất tịnh căn bản và đăng lưu, cho nên nói thấy sắc rồi, nói rộng cho đến ý biết pháp rồi, thuận theo quán bất tịnh, tư duy đúng như lý.

Hỏi: Người nào có thể khởi lên pháp quán bất tịnh này?

Đáp: Thánh giả-dị sinh đều có thể hiện khởi, Thánh giả thì bao gồm tất cả phần vị Học và Vô học.

Hỏi: Nơi nào khởi lên pháp quán bất tịnh này?

Đáp: Chỉ có người ở ba châu có thể bắt đầu hiện khởi, trong loài trời không có những tướng bầm xanh..., cho nên sáu cõi trời Dục chỉ có thể phát khởi sau. Có người nói: Bắt đầu và sau cuối đều chỉ có ở nẻo người, trong sáu cõi trời Dục không có tướng bất tịnh như bầm xanh..., cho nên cũng không hiện khởi.

Hỏi: Ở đây quán tất cả chẳng phải là bộ xương rời rạc..., trở thành bộ xương rời rạc..., lẽ nào không phải là điên đảo hay sao?

Đáp: Bởi vì pháp quán này là thiện, vì tác ý đúng như lý mà dẫn dắt phát sinh, vì lấy căn thiện vô tham làm tự tánh, vì dẫn dắt phát sinh già hạnh thù thắng của thánh đạo, vì điều phục phiền não, vì cảm quả yêu thích, tuy không đúng như thật mà không phải là điên đảo. Có người đưa ra cách nói này : Pháp quán bất tịnh này cũng gọi là điên đảo, bởi vì đối với không phải là bất tịnh mà quán là bất tịnh.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao không phải là bất thiện?

Đáp: Bởi vì hai duyên cho nên gọi là bất thiện:

1. Sở duyên trái ngược.

2. Tự tánh trái ngược. Pháp quán bất tịnh này tuy sở duyên trái ngược trái ngược mà không phải là tự tánh trái ngược, cho nên chẳng phải là bất thiện.

Lại nữa, bởi vì hai duyên cho nên gọi là bất thiện:

1. Sở duyên trái ngược.

2. Ý thích trái ngược, cho nên chẳng phải là bất thiện.

Lại nữa, trong kinh nói: “Có năm đẳng chí hiện trông thấy. Thế nào là năm? Đó là có Tỳ kheo quán sát tự thân đúng như thật, từ thân đến đỉnh đầu chứa đầy các loại bất tịnh, nghĩa là lông-tóc-răng-móng-bụi bần-đa thịt-xương-tủy-gân-mạch, gan-phổi-lá lách-thận-ruột già-ruột non-bao tử-túi mật-sinh tạng-thực tạng-đàm-nhiệt-tim-bụng, nước

tiểu-phân-nước mũi-nước miếng-mồ hôi-nước mắt-máu-mủ-mỡ-não-màng-mô. Ví như có người nhìn thấy bên trong kho lẫm, các loại tạp vật như thóc lúa, đậu mè... chứa đầy trong đó. Ở đây cũng như vậy, đó gọi là Đẳng chí hiện thấy thứ nhất. Lại có Tỳ kheo quán sát tự thân đúng như thật, từ chân đến đỉnh đầu chứa đựng các loại bất tịnh, đó là lông-tóc... nói rộng như trước, lại quán trừ bỏ da thịt-máu mủ... chỉ quán về hài cốt và thức ở trong hành, đó là Đẳng hiện thấy thứ hai. Lại có Tỳ kheo quán sát tự thân đúng như thật, từ chân đến đỉnh đầu chứa đầy các loại bất tịnh, đó là lông-tóc... nói rộng như trước, lại quán trừ bỏ da thịt-máu mủ... chỉ quán về hài cốt và thức ở trong hành, cũng trú vào đời này, cũng trú vào đời sau, đó gọi là Đẳng chí hiện thấy thứ ba, Lại có Tỳ kheo quán sát tự thân đúng như thật, từ chân đến đỉnh đầu chứa đầy các loại bất tịnh, đó là lông-tóc... nói rộng như trước, lại quán trừ bỏ da thịt-máu mủ... chỉ quán về hài cốt và thức ở trong hành, không trú vào đời này, chỉ trú vào đời sau, đó gọi là Đẳng chí hiện thấy thứ tư. Lại có Tỳ kheo quán sát tự thân đúng như thật, từ chân đến đỉnh đầu chứa đầy các loại bất tịnh, đó là lông-tóc... nói rộng như trước, lại quán trừ bỏ da thịt-máu mủ... chỉ quán về hài cốt và thức ở trong hành, không trú vào đời này, không trú vào đời sau, đó gọi là Đẳng chí hiện thấy thứ năm.”

Hỏi: Như vậy, năm loại Đẳng chí hiện thấy lấy gì làm tự tánh?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Lấy tuệ làm tự tánh, bởi vì nói quán sát đúng như thật. Có Sư khác nói: Lấy Tam-ma-địa làm tự tánh, bởi vì nói là Đẳng chí.

Lời bình: Nên đưa ra cách nói này: Lấy vô tham làm tự tánh, bởi vì quán sát bất tịnh để đối trị với tham, nhưng mà nó quán sát và Đẳng chí, đây là từ hai loại ấy sinh ra và sinh ra hai loại ấy, cũng cùng tương ứng với Định-Tuệ. Đã nói về tự tánh, nguyên cớ nay sẽ nói.

Hỏi: Vì sao gọi là Đẳng chí hiện thấy?

Đáp: Hiện thấy nghĩa là mắt, do mắt thấy sắc dẫn dắt phát sinh Đẳng chí, cho nên lập thành tên gọi hiện thấy; dựa vào Đẳng chí phát sinh có thể phát sinh Đẳng, hoặc là hiện thấy tương ứng với Đẳng chí, cho nên gọi là Đẳng chí.

Hỏi: Trong năm loại thì bốn loại sau cũng quán đối với thức, làm sao có thể nói hiện thấy nghĩa là mắt?

Đáp: Bởi vì mắt hiện thấy các vật bất tịnh, lần lượt thay đổi dẫn dắt phát sinh năm loại Đẳng chí hiện thấy như vậy, trong năm loại thì bốn loại sau cũng có thể duyên với thức, đối với lý không có gì trái ngược.

Hỏi: Ai có năm loại Đẳng chí hiện thấy này?

Đáp: Đẳng chí thứ nhất-thứ hai thì dị sinh và Thánh giả đều có được, Đẳng chí thứ ba là người Dự lưu và người Nhất lai vốn có, Đẳng chí thứ tư là người Bất hoàn vốn có, Đẳng chí thứ năm là A-la-hán vốn có. Như trong kinh nói : “Xá-lợi-tử nói : Đức Thế Tôn đã phát khởi Đẳng chí hiện thấy, bởi vì cảnh đã biết thông đạt không còn sót lại gì, cho nên nói là vô thượng. Các Sa-môn Bà-la-môn khác... đều không thể nào sánh kịp.”

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn đạt được năm loại quán bất tịnh như vậy mà gọi là vô thượng?

Đáp: Bởi vì có năng lực điều phục tất cả các cảnh sở duyên, cho nên nói là Vô thượng. Có người đưa ra cách nói này: Bởi vì quán đúng như thật cho nên nói là vô thượng, nghĩa là quán về tóc thì đúng là tóc, quán về lông thì đúng là lông, cho đến nói rộng ra.

Lời bình: Người ấy không nên đưa ra cách nói này, nếu đưa ra cách nói như vậy thì hiển bày Đức Thế Tôn quán nhiều cảnh theo pháp quán bất tịnh, nhưng thật sự là quán ít cảnh bởi vì lông-tóc... chỉ đầu nhiếp nên phần ít sắc của cõi Dục. Nên nói như vậy: Cách nói trước là thích hợp, bởi vì có năng lực điều phục tất cả, cho nên gọi là Vô thượng. Thanh văn-Độc giác không có năng lực điều phục toàn bộ, bởi vì tất cả Sắc xứ đều là bất tịnh; Vô Diệt không có năng lực quán sắc của thiên nữ là bất tịnh, cho nên ngoài Đức Phật ra thì không ai có năng lực quán sắc thân của Phật là bất tịnh. Và lại, Đức Thế Tôn nói: Nay Đại mục-kiền-liên! Phạm thiên Đế-ra không nói trú trong vô tướng thứ sáu ấy chẳng? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì phân biệt rộng về nghĩa lý trong kinh. Nghĩa là trong kinh nói: “Thời gian Đức Thế Tôn an trú trong vườn Cấp-cô-độc, rừng Thệ-đa thuộc thành Thất-la-phiệt, vào giữa đêm khuya có ba Phạm Thiên, tỏa ánh sáng chói lòa đi đến nơi Đức Phật, đến nơi rồi đánh lễ dưới hai chân của Đức Thế Tôn, sau đó lùi về đứng ở bên. Lúc đó Phạm Thiên thứ nhất tiến lên thưa với Đức Phật rằng: Đại tiên nên biết! Nhiều Tỳ-kheo Ni ở nước Sa-kế-đa trong đêm nay sẽ qua đời. Nói lời này xong lùi lại đứng về bên. Phạm Thiên thứ hai lại tiến lên thưa với Đức Phật: Đại tiên nên biết! nhiều Tỳ kheo ni trong chúng ấy có người hữu dư y mà diệt độ. Nói lời này xong lùi lại đứng qua bên. Phạm Thiên vương thứ ba lại tiến lên thưa với Đức Phật: Đại tiên nên biết! Nhiều Tỳ Kheo Ni trong chúng ấy có người nhập Niết-bàn Vô

dư y. Nói lời này xong lùi lại đứng về bên. Lúc ấy ba Phạm thiên vương chấp tay cung kính đi ngang Đức Phật ba vòng đánh lễ dưới hai chân Đức Phật rồi bỗng nhiên biến mất. Vào sáng sớm hôm sau, Đức Thế Tôn đi đến chúng Tỳ kheo, trải chỗ ngồi mà ngồi, bảo với chúng Tỳ Kheo rằng. Vào giữa đêm khuya hôm qua, có ba Phạm thiên vương tỏa sáng chói lòa đi đến chỗ Ta nói rộng cho đến biến mất. Lúc bấy giờ Cụ Thọ Đại-mục-kiền-liên ở trong chúng Tỳ Kheo dấy lên ý niệm như vậy: Những Phạm thiên nào có trí kiến này, biết người nào trú trong Hữu dư y và Vô dư y? Dấy lên ý niệm này rồi vào Tam-ma-địa, như khoảng thời gian co duỗi cánh tay của người tráng sĩ, từ rừng Thệ đa ẩn đi mà đến nơi Phạm thế, cách chỗ ngồi của Phạm thiên Để-sa không xa mà xuất hiện, từ Tam-ma-địa đứng lên, sửa sang lại y phục, đi đến chỗ Phạm Thiên Để-sa, đưa ra câu hỏi này: Những Phạm thiên vương nào có trí kiến này, biết người nào trú trong Hữu dư y và Vô dư y?”

Hỏi: Đại Mục-kiền-liên có kiến thù thắng, hơn hẳn Phạm thiên Để-sa nhiều gấp bội, tại sao lại đến hỏi Phạm Thiên Để-sa?

Đáp: Đại Mục-kiền-liên biết mà cố tình hỏi như Đức Phật có lúc biết mà cố ý hỏi.

Hỏi: Có Phạm Thiên khác hơn hẳn Phạm thiên vì sao chỉ hỏi Phạm Thiên khác hơn hẳn Phạm Thiên Để-sa vì sao chỉ hỏi Phạm Thiên Để-sa?

Đáp: Phạm thiên này vốn là đệ tử cộng trú với đại Mục-kiền-liên qua hỏi thăm nhau mà hỏi. Lại nữa, Phạm thiên Để-sa ấy trú trong quả vị Bất hoàn, những Phạm thiên khác có người không biết, muốn biểu hiện phẩm đức của Phạm thiên ấy khiến cho những Phạm thiên khác cung kính tôn trọng, cho nên chỉ hỏi vị ấy “Lúc ấy Phạm thiên Để-sa trả lời Tôn Giả rằng: Chính là trời Phạm chúng có trí kiến này, biết người nào trú trong Hữu dư y và Vô dư y. Đại Mục-kiền-liên lại hỏi vị ấy rằng: Những trời Phạm chúng đều có trí kiến thù thắng như vậy chăng? Phạm Thiên Để-sa đáp rằng: Không phải là họ đều có trí kiến thù thắng này, nếu trời Phạm chúng đối với thọ mạng lâu dài - thân sắc tuyệt diệu và danh dự của cõi trời không sinh tâm vui mừng vừa đủ, không biết đúng như thật về sự xuất ly thù thắng thì không có trí kiến này: nếu trời Phạm chúng đối với thọ mạng lâu dài - thân sắc tuyệt diệu và danh dự của cõi trời có thể sinh tâm vui mừng vừa đủ, cũng biết đúng như y thật về sự xuất ly thù thắng thì có trú kiến này. Tôn giả lại hỏi: Trời ấy làm sao biết người nào trú trong Hữu dư y và Vô dư y? Để-sa đáp rằng: Nếu có Tỳ kheo đạt được A-la-hán là Câu giải thoát thì trời Phạm chúng ấy

dấy lên ý niệm như vậy: Nay Đại đức này là vị Câu giải thoát, cho đến có thân thì người-trời đều thấy, thân hoại mạng chung cũng không có ai thấy; nếu có Tỳ kheo đạt được A-la-hán không phải là Câu giải thoát mà là Tuệ giải thoát, thì trời Phạm chúng ấy dấy lên ý niệm như vậy: Nay Đại đức này là vị Tuệ giải thoát, cho đến có thân thì người-trời đều thấy, thân mạng chung cũng không có ai thấy; nếu có Tỳ kheo không phải là A-la-hán, không phải là vị Câu giải thoát, không phải là vị Tuệ giải thoát, nhưng chính vị thân chứng, thì trời Phạm chúng ấy dấy lên ý niệm như vậy: Nay Đại Đức này là thân Vị Thân chứng, đang tu căn thù thắng-thân cận bạn tốt, nếu được tùy thuận phòng ốc- vật dụng-tiền của, thì nhất định sẽ không còn phiền não, chứng được tâm vô lậu và Tuệ giải thoát ở trong pháp hiện tại có năng lực tự mình thông đạt, chứng trú đầy đủ, cũng tự mình biết rõ đời sống của mình đã hết phạm hạnh đã lập, việc làm đã hoàn thành, không tiếp nhận thân đời sau; nếu có Tỳ kheo tuy không phải là vị Thân chứng mà chính là vị Kiến chí, thì trời Phạm chúng ấy dấy lên ý niệm như vậy: Nay Đại đức này là vị kiến chí, đang tu căn Thù thắng, thân cận bạn tốt, nói rộng cho đến không tiếp nhận thân đời sau; nếu có Tỳ kheo tuy không phải là vị Kiến chí mà là vị Tín giải, thì trời Phạm chúng ấy dấy lên ý niệm như vậy: Nay Đại đức này là vị Tín thắng giải đang tu căn thù thắng, nói rộng cho đến không tiếp nhận thân đời sau. Phạm thiên Để Sa nói lời này xong im lặng mà đứng”

Hỏi: Phạm thiên Để-sa vì sao không nói đến Tùy tín hành và Tùy pháp hành? Đáp: Nếu Bồ-đặc-già-la là người ở cảnh giới ấy, thì Phạm thiên Để-sa sẽ nói đến; Tùy tín hành và Tùy Pháp hành không phải phải là cảnh giới của Phạm Thiên Để-sa, cho nên không nói đến. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì nếu người có Tha tâm trí biết về Kiến đạo, thì quyết định trước hết phát khởi pháp trí vô lậu, người sinh lên cõi trên thì pháp trí vô lậu chắc chắn không hiện rõ trước mắt, cho nên Tùy tín hành và Tùy Pháp hành không phải là cảnh giới của Phạm thiên Để-sa. Lại nữa, nếu Bồ-đặc-già-la ở xứ sở của Phạm thiên nhưng không có chủng loại ấy, thì Phạm thiên Để-sa sẽ nói đến, Tùy tín hành ở xứ sở của Phạm thiên nhưng không có chủng loại ấy, cho nên Phạm thiên Để-sa không nói đến.

“Lúc bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nghe Phạm thiên Để-sa nói pháp ngữ rồi, hoan hỷ hăng hái thị hiện dạy dỗ, khen ngợi khuyến khích chúc mừng, ân cần từ biệt tiến vào Tam-ma-địa, như khoảng thời gian co duỗi cánh tay của người tráng sĩ, từ cõi Phạm thiên ẩn hình đến

trong chúng Tỳ kheo ở rừng Thệ đa bỗng nhiên mà xuất hiện, từ Tam-ma-địa đứng lên tiến đến trước chỗ Đức Phật, đảnh lễ dưới hai chân của Đức Thế Tôn rồi lùi về ngồi bên, đem tất cả sự việc nói trên mà thưa với Đức Thế Tôn. Đức Phật liền hỏi rằng: Nay Đại Mục-kiền-liên! Phạm thiên Đế-sa không nói trú trong Vô tướng thứ sáu ấy chăng? Mục-kiền-liên thưa rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Đúng như vậy. Nói lời này rồi liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân đức Phật, chấp tay mà cung kính thưa với Đức Phật rằng: Nay chính lúc thích hợp xin nguyện thuyết giảng về trú trong Vô tướng thứ sáu cho chúng hội nghe, khiến cho các Tỳ kheo nghe rồi thọ trì! Đức Phật bảo với Mục-kiền-liên: Lắng nghe cho kỹ càng, lắng nghe cho kỹ càng! Phải có gắng tác ý, Ta sẽ nói cho ông! Khiến có Tỳ kheo, đối với tất cả các tướng, không còn tư duy nữa, chứng được tâm Vô tướng, trú đầy đủ trong Tam-ma-địa, đó gọi là trú trong Vô tướng thứ Sáu”

Trong kinh tuy đưa ra cách nói như vậy, mà không phân biệt về nghĩa lý ấy, kinh là nơi nương tựa căn bản của Luận này, trong kinh không giải thích thì nay cần giải thích. Lại nữa, có người đối với kinh ấy không hiểu rõ nghĩa lý ấy liền chấp là duyên với Diệt đế mà tiến vào Chánh tánh ly sinh, bởi vì Kiến đạo gọi là trú trong Vô tướng, chỉ riêng trong Diệt đế là không có các tướng. Vì ngăn chặn cái chấp ấy mà cần phải hiển bày Kiến đạo không phải là chỉ duyên với Diệt, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thế nào gọi là trú trong Vô tướng thứ sáu?

Đáp: Tùy tín hành-Tùy pháp hành gọi là trú trong Vô tướng thứ sáu.

Hỏi: Vì sao biết được Tùy tín hành-Tùy pháp Phạm Thiên Đế-sa đã nói đến năm loại, chưa nói đến Tùy tín hành-Tùy pháp hành, cho nên biết hai loại này hợp lại thành trú trong Vô tướng thứ sáu. Nguyên có thể nào? Bởi vì hai loại Vô tướng này không có thể an lập, không có thể thi thiết, ở nơi này hay ở nơi kia. Hoặc là khổ pháp trí nhãn, hoặc là Khổ pháp trí, nói rộng ra cho đến hoặc là Đạo loại trí nhãn, bởi vì Vô tướng này không có thể an lập, không có thể thi thiết, ở nơi này hay ở nơi kia, cho nên gọi là trú trong Vô tướng thứ sáu.

Hỏi: Vì sao hai loại này hợp lại thành nên?

Đáp: Chính là đoạn văn này nói hai loại này đều là Vô tướng không có thể an lập, không có thể thi thiết. Lại nữa, bởi vì hai loại này đều không dấy khởi tâm không tương tự, vì hai loại này đều có mười lăm tâm, vì phẩm tâm của hai loại này hiện hành như nhau, vì hai loại

này đều là tạo nhanh chóng, vì ý thích của hai loại pháp không có thể an lập và thi thiết, vì hai loại này đều là đạo khó nhận biết, vì hai loại này đều là không hiện thấy.

Hỏi: Hai loại này đối với tất cả đều không hiện thấy chăng?

Đáp: Không phải như vậy, bởi vì đối với thanh văn. Độc giác tuy không hiện thấy, mà đối với Phật Thế Tôn thì hiện thấy. Lại nữa, hai loại này thì địa như nhau. Đạo như nhau - phẩm như nhau - ly nhiên như nhau, cho nên hợp lại thành nên.

Hỏi: Năm loại trước đã không phải là vô tướng thân nhiếp, vì sao nói loại này gọi là trú vô tướng thứ sáu?

Đáp: Trú trong vô tướng là thánh giả thứ sáu trong hàng thánh giả, cho nên gọi là trú trong vô tướng thứ sáu, chứ không phải là trú vô tướng có tổng quát sáu loại, loại này gọi là thứ sáu: Như nơi khác nói giết hại hổ thứ năm, không phải là bốn con trước cũng gọi là hổ, nhưng pháp làm hại tổng quát có năm loại, loại thứ năm gọi là hổ, trong này cũng như vậy. Lại như nơi khác nói vua tặng thưởng thứ sáu, không phải là năm người trước cũng gọi là vua, nhưng pháp tặng thưởng tổng quát có sáu loại, vua tặng thưởng là thứ sáu, ở đây cũng như vậy. Trú trong vô tướng là thứ sáu, không phải là sáu loại đều gọi và trú vô tướng, nhưng nói tâm vô tướng thì có nhiều loại nghĩa, đó là hoặc nói về không, hoặc nói về vô tướng, hoặc nói về bất động tâm giải thoát, hoặc nói về phi tướng phi phi tướng xứ. Giải thích rộng về nguyên cơ thì như chương Trí vẫn nói rõ. Trong này, vô tướng chính là nói đến nghĩa kiến tạo, như trước đã giải thích. Vả lại, bởi vì rất nhanh chóng khó mà biết rõ ràng, nghĩa là tha tâm trí của thanh văn thực hiện gia hạnh cao nhất chỉ biết được hai tâm, đó là tâm tương ứng với khổ pháp trí nhân và khổ pháp trí; nếu muốn biết tâm thứ ba thì chính là biết tâm thứ mười sáu. Nếu tha tâm trí của độc giác thực hiện gia hạnh cao nhất thì chỉ biết được bốn tâm, đó là hai tâm đầu và tâm tương ứng với diệt loại trí nhân. Diệt loại trí. Có người nói: Độc giác chỉ biết được ba tâm, đó là hai tâm đầu và tâm tương ứng với tập loại trí, chỉ riêng tha tâm trí của Phật có năng lực biết tất cả theo thứ tự, cho nên kiến đạo gọi là vô tướng.

